

143

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Môn học: Tiếng Anh giao tiếp văn phòng
(22439102)

Ngày thi: 22/02/2025

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: D6-32

Số SV có mặt: 49

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

T. Hoàng

Ng. T. Văn

Ng. T. Văn

Ng. T. Văn

Ng. Thalyon

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2123240067	Lương Thị Thủy	Ái	30/09/2005	CCQ2324C		8,7	8,7	8,7	
2	2123240083	Nguyễn Văn	Cường	12/10/2005	CCQ2324C		0,0			
3	2123240120	Nguyễn Quốc	Đạt	03/07/2003	CCQ2324D		9,3	9,5	9,4	
4	2123240077	Võ Minh	Diệt	01/02/2002	CCQ2324C		7,5	6,1	6,7	
5	2123240086	Đỗ Thị Thùy	Dương	17/03/2005	CCQ2324C		7,5	4,3	5,6	
6	2123240062	Nguyễn Thị Hương	Giang	30/09/2005	CCQ2324C		6,4	7,0	6,8	
7	2123240113	Hoàng Thị Hồng	Hà	25/04/2005	CCQ2324D		0,0			
8	2123240106	Quảng Nữ Hồng	Hà	03/03/2003	CCQ2324D		6,8	4,9	5,7	
9	2123240098	Lê Thị Mỹ	Hào	05/01/2005	CCQ2324D		8,2	6,1	6,9	
10	2123240112	Nguyễn Thị Thuý	Hương	08/05/2005	CCQ2324D		9,4	8,0	8,6	
11	2123240070	Trần Đức	Khánh	14/05/2001	CCQ2324C		7,0	7,0	7,0	
12	2123240143	Nguyễn Đăng	Khôi	24/11/2005	CCQ2324D		7,9	6,3	6,9	
13	2123240065	Hoàng Nguyễn Ái	Liên	27/05/2005	CCQ2324C		7,1	5,7	6,3	
14	2123240104	Nguyễn Thị Kim	Liều	08/05/2005	CCQ2324D		7,4	4,6	5,7	
15	2123240076	Đinh Lê Khánh	Linh	30/04/2005	CCQ2324C		7,6	7,8	7,7	
16	2123240091	Phan Thị Ngọc	Linh	12/04/2005	CCQ2324C		8,1	7,0	7,4	
17	2123240080	Phạm Đào Uyên	Minh	24/08/2005	CCQ2324C		6,9	4,3	5,3	
18	2123240096	Trình Nguyễn Thuý	Mỹ	07/10/2003	CCQ2324D		8,9	7,6	8,1	
19	2123240075	Nguyễn Thanh	Ngân	15/03/2005	CCQ2324C		7,2	6,3	6,7	
20	2123240107	Trần Thị Kim	Ngân	10/02/2004	CCQ2324D		8,6	9,1	8,9	
21	2123240097	Trần Tuyết	Ngân	10/01/2003	CCQ2324D		7,7	5,8	6,6	
22	2123240099	Trương Thu	Ngân	24/06/2005	CCQ2324D		6,0	4,5	5,1	
23	2123240082	Tôn Nữ Gia	Nguyễn	01/04/2005	CCQ2324C		6,4	5,6	5,9	
24	2123240068	Đặng Thị Yến	Nhi	02/12/2005	CCQ2324C		8,0	4,4	5,8	
25	2123240124	Lâm Yến	Nhi	09/09/2001	CCQ2324D		8,2	5,5	6,6	
26	2123240084	Nguyễn Tâm	Như	01/07/2005	CCQ2324C		6,1	5,6	5,8	
27	2123240069	Nguyễn Thị Bích	Như	28/10/2005	CCQ2324C		8,6	4,9	6,4	
28	2123240085	Phan Thị Huỳnh	Như	19/04/2005	CCQ2324C		6,3			

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Tiếng Anh giao tiếp văn phòng
(22439102)

Ngày thi: 22/02/2025

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: D6-32

Số SV có mặt: 49

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2123240089	Nguyễn Ngọc Trinh	Nữ	28/01/2005	CCQ2324C		6,7	6,7	6,7	
30	2123240081	Vũ Thị Anh	Phuong	29/08/2005	CCQ2324C		6,2	6,5	6,4	
31	2123240095	Huỳnh Thanh	Quang	01/11/2004	CCQ2324D		7,0	4,6	5,6	
32	2122240156	Đỗ Anh	Quốc	16/10/2002	CCQ2224B		7,7	8,7	8,3	
33	2123240115	Lưu Thị	Quỳnh	20/09/2002	CCQ2324D		8,1	7,2	7,6	
34	2123240122	Trần Văn	Sáng	28/11/2005	CCQ2324D		7,7	8,1	7,9	
35	2123240093	Lý Thị	Sua	18/06/2004	CCQ2324D		7,4	5,1	6,0	
36	2123240105	Lê Đình Thái	Tài	13/07/2003	CCQ2324D		0,0			
37	2123240094	Trần Nguyễn Nhật	Tân	24/09/2004	CCQ2324D		7,5	8,3	8,0	
38	2123240121	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	26/11/2004	CCQ2324D		10,0	9,0	9,4	
39	2123240109	Nguyễn Thu	Thủy	04/04/2005	CCQ2324D		6,4	5,6	5,9	
40	2123240118	Lê Minh	Tiếng	16/09/2004	CCQ2324D		6,5	5,3	5,8	
41	2123240074	Nguyễn Quỳnh Lan	Trâm	25/02/2005	CCQ2324C		6,0	4,7	5,2	
42	2123240102	Đặng Huỳnh Bảo	Trân	29/04/2005	CCQ2324D		6,4	4,6	5,3	
43	2123240090	Đặng Thị Thu	Trân	18/06/2005	CCQ2324C		5,9	5,4	5,6	
44	2123240066	Phạm Thị Thùy	Trang	17/08/2005	CCQ2324C		6,4			
45	2123240092	Phan Thị Hoài	Trình	29/01/2005	CCQ2324D		7,5	4,9	5,9	
46	2123240088	Trần Nguyễn Kiều	Trình	25/06/2005	CCQ2324C		6,9	2,5	4,3	
47	2123240197	Trần Văn	Trung	22/09/2005	CCQ2324D		8,4	6,3	7,1	
48	2123240064	Nguyễn Huỳnh Đình	Uy	09/11/2005	CCQ2324C		6,6	5,3	5,8	
49	2123240061	Võ Thị Lâm Thuý	Vân	03/07/2005	CCQ2324C		7,1	6,3	6,6	
50	2123240073	Nguyễn Thị Cẩm	Vi	06/07/2005	CCQ2324C		6,6	6,7	6,7	
51	2123240078	Lê Trần Quốc	Việt	17/05/2004	CCQ2324C		3,4			
52	2123240063	Đổng Quang	Vinh	24/01/2005	CCQ2324C		8,3	8,4	8,4	
53	2123240103	Nguyễn Phong	Vinh	23/03/2004	CCQ2324D		8,3	6,3	7,1	
54	2123240100	Trần Hiền	Vy	19/05/2005	CCQ2324D		5,5	4,8	5,2	
55	2123240116	Dương Thị Như	Ý	04/10/2005	CCQ2324C		8,1	3,9	5,6	